

Bản án số: 54/2023/DS-ST

Ngày: 21- 9 - 2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bảy

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Kha

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hoàng Cúc– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 206/2022/TLST - DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Diễm T1**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn:** 1/ Ông **TVõ Đức T2**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

2/ Ông **Võ Văn Đức E**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

3/ Ông **Võ Đức T3**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

4/ Ông **Võ Đức H1**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

5/ Ông **Võ Đức C**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

6/ Ông **Võ Văn H2**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Bà **Võ Thị Ngọc H3**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp CT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Diễm T1 trình bày:

Vào ngày 14/04/2021, ông Võ Văn P (chết năm 2022) có hỏi vay của chị T1

số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất thoả thuận là 1,75%/tháng, lãi trả hàng tháng, thoả thuận trả lãi chỉ thoả thuận thuận bằng lời nói không có ghi trong hợp đồng. Thay vì lập hợp đồng vay thì giữa chị T1 với ông P thoả thuận lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, với nội dung ông P thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018 và toàn bộ tài sản trên đất cho chị T1 để vay số tiền 180.000.000 đồng. Thực hiện thoả thuận, chị T1 giao cho ông P số tiền 180.000.000 đồng, do ông P và chị Võ Thị Ngọc H3 là con ông P trực tiếp nhận.

Sau khi nhận tiền xong thì ông P và chị H3 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cũng như tiền vốn cho chị T1 đúng như thoả thuận mà còn cố tình tránh né nghĩa vụ trả nợ của mình. Chị T1 đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông P và chị H3 có nghĩa vụ trả tiền vốn và tiền lãi cho chị T1 nhưng ông P và chị H3 cứ hẹn lần hẹn lượt không chịu trả. Việc ông P không chịu trả tiền vốn và lãi cho chị T1 trực tiếp làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1 nên đầu năm 2022 chị T1 có khởi kiện ông P tại Toà án huyện Mang Thít, Toà án đang thụ lý giải quyết thì ông P chết. Để gia đình lo hậu sự cho ông P nên chị T1 rút đơn. Sau khi ông P chết chị T1 có nhiều lần đến yêu cầu các con ông P thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông P để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng họ không chịu trả mà còn nhiều lần có lời lẽ xúc phạm danh dự. Chị T1 xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn P gồm: Võ Đức T2, Võ Văn Đức E, Võ Đức T3, Võ Đức H1, Võ Đức C, Võ Văn H2 và Võ Thị Ngọc H3, ngoài ra, không còn ai khác.

Di sản của ông P hiện nay có thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018.

Nay chị T1 yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 là hàng thừa kế thứ nhất của ông P có trách nhiệm trả tiền vốn là 180.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 14/4/2021 đến ngày 14/11/2022 là 38.475.000 đồng trong phạm vi di sản do ông P chết để lại.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Toà án cho các bị đơn anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 đã được Toà án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Toà án.

Ngày 28/4/2023, Toà án có kết hợp với các cơ quan chuyên môn tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hiện có trên thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đất tọa lạc

tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018 nhưng các bị đơn ngăn cản không cho tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá nên Toà án không có căn cứ xác định trên thửa đất có phát sinh tài sản của người thứ ba không cũng như giá trị của thửa đất.

Tại phiên toà chị Lê Thị Diễm trình bày: bảo lưu ý kiến, yêu cầu Toà án buộc anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 là hàng thừa kế của ông P có trách nhiệm trả tiền vốn là 180.000.000 đồng, chị T1 chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm tổng cộng 29 tháng là 43.500.000 đồng trong phạm vi di sản do ông P chết để lại. Chị T1 tự nguyện trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận cho hàng thừa kế của ông P.

Các đồng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, việc thu thập chứng cứ và thực hiện mở phiên tòa bảo đảm đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P gồm anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 có trách nhiệm trả cho chị T1 tiền gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi 43.500.000 đồng trong phạm vi di sản do ông P chết để lại.

- Chi phí tố tụng: buộc các đồng bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các đồng bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: đây là tranh chấp dân sự thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại nên căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Các bị đơn có địa chỉ tại huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo hoà giải, công khai chứng cứ và xét xử cho anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh

Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 14/04/2021 giữa chị Lê Thị Diễm T1 và ông Võ Văn P.*

Xét, chị T1 là cá nhân không có đăng ký giao dịch bảo đảm, đồng thời hợp đồng thế chấp chưa thoả mãn về mặt hình thức. Bởi lẽ, hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản nhưng không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền và chưa có xác nhận về tình trạng tài sản thế chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít. Đồng thời, chị T1 cũng thừa nhận giữa chị T1 và ông P chỉ xác lập hợp đồng vay với thoả thuận chị T1 cho ông P vay số tiền 180.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản tiền vay nên giữa chị T1 và ông P thoả thuận lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đất tọa lạc tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018 thay vì ký hợp đồng vay tài sản. Do đó, hợp đồng này chưa được pháp luật công nhận nên cần phải vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 14/04/2021 giữa chị Lê Thị Diễm T1 và ông Võ Văn P.

Xét, chị T1 cho ông P vay số tiền 180.000.000 đồng là có thật được thể hiện tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 14/04/2021 giữa chị Lê Thị Diễm T1 và ông Võ Văn P. Sau khi vay ông P không trả nợ gốc và nợ lãi cho chị T1 như thoả thuận. Đến năm 2022 ông P chết hàng thừa kế thứ nhất của ông P gồm anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 và di sản của ông P chết để lại gồm thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đất tọa lạc tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018.

Nay chị T1 khởi kiện yêu cầu Toà án buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P gồm anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 có trách nhiệm liên đới trả cho chị T1 tiền vốn là 180.000.000 đồng, tiền lãi 43.500.000 đồng (tính từ ngày 14/4/2021 đến ngày 14/9/2023) là 29 tháng, trong phạm vi di sản do ông P chết để lại.

Sau khi Toà án thụ lý vụ án có tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hoà giải, các văn bản tố tụng khác liên quan đến vụ án, triệu tập tham dự xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và tham dự phiên tòa hợp lệ nhưng anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 từ chối không nhận các thủ tục của Toà án, không có gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn đối với các bị đơn. Đồng thời, khi Toà án kết hợp với các cơ quan chuyên môn đến tại thửa đất số 12 nêu trên để tiến hành xem xét, thẩm định tài sản xác định tài sản trên đất và định giá thửa đất và tài sản trên đất làm căn cứ giải quyết vụ án, cũng như xác định có phát sinh tài sản của người thứ ba trên thửa đất số 12 do ông P chết để lại hay không thì các bị đơn ngăn cản không cho đoàn xem xét và định giá do đó không có căn xác định giá trị hiện nay của thửa đất tranh chấp.

Tại đơn khởi kiện chị T1 yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,75%/tháng tại phiên toà hôm nay chị Trịnh chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm trên số dư nợ gốc và tính từ ngày 14/4/2021 đến ngày 14/9/2023 là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên căn cứ theo Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác*” buộc anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 liên đới trả cho chị T1 tiền gốc 180.000.000 đồng, tiền lãi 43.500.000 đồng trong phạm vi di sản của ông P chết để lại là thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018.cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn P.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Diễm T1 về việc giao trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn P.

Chi phí tố tụng: Số tiền là 1.000.000 đồng. Do các bị đơn có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ liên đới trả tiền cho nguyên đơn nên buộc các bị đơn anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 phải liên đới nộp 1.000.000 đồng, chị T1 đã nộp tạm ứng nên buộc anh T2, anh Đ, anh E, anh T3, anh H1, anh C, anh H2 và chị H3 liên đới nộp 1.000.000 đồng để hoàn trả lại cho chị T1.

Án phí: Bị đơn Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 11.175.000 đồng (223.500.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 157, 161, 165, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 122, khoản 2 Điều 131, 430, 431, 542, khoản 2 Điều 550, Điều 552, Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 116, 117, 129, 401, 500, 688 của Bộ luật dân sự năm

2015; các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Diễm T1:

- Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 14/04/2021 đối với thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018 giữa chị Lê Thị Diễm T1 và ông Võ Văn P bị vô hiệu toàn bộ.

- Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn P là anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 liên đới có trách nhiệm trả tiền cho chị Lê Thị Diễm T1 tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi là 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) trong phạm vi di sản do ông P chết để lại là thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018.

- Chị Lê Thị Diễm T1 có nghĩa vụ trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 12, diện tích 192,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Võ Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, số phát hành CP 880021, số vào sổ CS07391, cấp ngày 05/11/2018 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn P là anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3

2. Về chi phí khảo sát đo đạc: buộc anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 phải liên đới là 1.000.000 đồng, chị T1 đã nộp tạm ứng nên buộc anh T2, anh Đ, anh E, anh T3, anh H1, anh C, anh H2 và chị H3 liên đới nộp để hoàn trả lại cho chị T1.

3. Về án phí:

Buộc chị Lê Thị Diễm T1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do hợp đồng thế chấp bị vô hiệu, được khấu trừ vào số tiền 5.461.000 đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai số 0007513 ngày 13/12/2022, còn lại 5.161.000 đồng (Năm triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng) hoàn trả cho ông chị Lê Thị Diễm T1.

Buộc anh Võ Đức T2, anh Võ Văn Đức E, anh Võ Đức T3, anh Võ Đức H1, anh Võ Đức C, anh Võ Văn H2 và chị Võ Thị Ngọc H3 phải liên đới nộp số tiền 11.175.000 đồng (Mười một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSND huyện
- THADS huyện;
- Các đương sự ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tám